

Số: 152/2021/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Khi số thu của tỉnh đạt mức cao hơn và ổn định, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh định mức tăng thêm để đáp ứng nhiệm vụ chi

của địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo QT, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

14b

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 152/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị dự toán cấp tỉnh.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định tại Quy định này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị; dự toán chi ngân sách của các huyện, thành phố, thị xã (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

2. Phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách, khả năng cân đối ngân sách năm 2022 và cả giai đoạn ổn định ngân sách mới; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu, chi ngân sách, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và nhiệm vụ chính trị của từng sở, ban, ngành và địa phương.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do trung ương và tỉnh ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này. Đảm bảo chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện mà chưa cân

đôi đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương (bao gồm cả dự phòng ngân sách, ...) để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

4. Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương làm cơ sở phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố, thị xã được xác định trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính Phủ) tại thời điểm xây dựng dự toán. Định mức phân bổ trên theo quỹ tiền lương không gồm trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên (chi khác) tính theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao không bao gồm quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương. Chỉ xây dựng định mức chi khác (chi hoạt động có tính chất thường xuyên) của một biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho từng loại hình cơ quan, đơn vị (biên chế quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể; biên chế sự nghiệp và hội đặc thù; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, ổn định đến năm 2025 chưa tính trừ nguồn thực hiện cải cách tiền lương của các cấp ngân sách, các đơn vị theo quy định (bao gồm cả nguồn cải cách tiền lương còn dư của các năm trước). Các năm trong thời kỳ ổn định, nếu có phát sinh tăng, giảm nhiệm vụ thì ngân sách tỉnh bổ sung hoặc thu hồi kinh phí đã bố trí theo định mức ban hành.

7. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Trong đó:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ, trừ kinh phí nhà nước đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ theo quy định. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn

thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022-2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017-2021. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chi hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán thường xuyên. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2017-2021 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

8. Tiêu chí phân bổ định mức rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, cải tiến và bổ sung, điều chỉnh tiêu chí ở một số lĩnh vực chi phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách. Đảm bảo các chỉ tiêu pháp lệnh Trung ương giao cho địa phương hàng năm như chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp bảo vệ môi trường, sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Điều 3. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể

1. Cấp tỉnh

a) Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	22,8 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	22 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	21,2 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 30 biên chế	20,6 triệu đồng/biên chế/năm

*** Định mức phân bổ đã bao gồm:**

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan (đã bao gồm chi khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm

(đã bao gồm chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý của ngành, lĩnh vực; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát).

- Kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; sửa chữa thường xuyên tài sản.

*** Định mức phân bổ không bao gồm:**

- Chi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo cấp tỉnh; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Chi thuê trụ sở; chi sửa chữa lớn; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung theo quy định.

b) Đối với chi đảm bảo hoạt động của cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh: Dự toán chi ngân sách được tính toán trên cơ sở định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này.

c) Các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được áp dụng định mức phân bổ trên và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để tính toán phân bổ dự toán ngân sách.

d) Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

- Các Hội đặc thù được Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế được hỗ trợ định mức chi khác tối đa bằng định mức chi của đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo số biên chế có mặt. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ từng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

đ) Kinh phí thực hiện các chính sách, đề án của tỉnh; kinh phí tăng cường cơ sở vật chất; kinh phí hỗ trợ theo nhiệm vụ cho các cơ quan làm công tác tổng hợp; kinh phí đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác bố trí theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Cấp huyện

a) Định mức chi khác tính theo biên chế được giao:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Các huyện đồng bằng	14,4 triệu đồng/biên chế/năm
- Huyện Đakrông	16,8 triệu đồng/biên chế/năm
- Huyện Hướng Hóa	17,3 triệu đồng/biên chế/năm
- Huyện đảo Côn Cỏ	24 triệu đồng/biên chế/năm

Định mức phân bổ không bao gồm các khoản chi đặc thù theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng biên chế ít (từ 03 người trở xuống) thì định mức phân bổ được tính thêm 04 triệu đồng/biên chế/năm.

3. Cấp xã

a) Định mức chi khác tính theo số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã được giao: 10,4 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Hỗ trợ kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

c) Hỗ trợ kinh phí hoạt động:

- Kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo quy định tại Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Kinh phí hoạt động Ban thanh tra nhân dân cấp xã: 05 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

- Kinh phí giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã: 10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn. Tùy theo kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng hàng năm, các huyện, thành phố, thị xã và xã, phường, thị trấn quyết định tăng mức hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

4. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

a) Ngoài định mức trên, các huyện, thành phố, thị xã được hỗ trợ thêm kinh phí chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể (đã bao gồm kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp theo nhiệm kỳ):

- Cấp huyện:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Thành phố	5.500 triệu đồng/năm
- Huyện Đakrông, Hướng Hóa	4.100 triệu đồng/năm
- Huyện đảo Cồn Cỏ	2.400 triệu đồng/năm
- Thị xã, các huyện còn lại	3.900 triệu đồng/năm

- Cấp xã:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã	8,5 triệu đồng/đại biểu/năm
- Kinh phí hoạt động cấp ủy, Ủy ban nhân dân và chi quản lý hành chính cấp xã	
+ Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị	180 triệu đồng/phường, xã/năm
+ Huyện Đakrông, Hướng Hóa	132 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Các huyện còn lại	120 triệu đồng/xã, thị trấn/năm

* Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Chi hoạt động của cấp ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã theo nhiệm kỳ.

- Kinh phí thực hiện chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Chi thực hiện một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của huyện ủy, thành ủy, thị ủy theo Quy định số 38-QĐ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Quảng Trị.

- Hỗ trợ chế độ thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện theo quy định.

- Hỗ trợ chi công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Kinh phí cộng tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 167-HD/BTGTW ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Chi hỗ trợ sinh hoạt phí đối với Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp theo Quyết định số 33/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi cho các nội dung đặc thù của cấp huyện, cấp xã và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến quản lý hành chính theo quy định hiện hành.

*** Định mức phân bổ trên không bao gồm:**

- Hỗ trợ kinh phí thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo

chuyên trách tại các Hội có tính chất đặc thù được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Hoạt động phí hàng tháng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 ngày 5 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với báo cáo viên theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ban Tổ chức Trung ương và Tuyên giáo Trung ương.

- Chế độ thù lao trách nhiệm tính theo nghề hàng tháng đối với một số chức danh theo Quy định số 33-QĐ/TU ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị về một số chế độ chi công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Chi bồi dưỡng cán bộ rà soát thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi hỗ trợ hoạt động tiếp công dân theo Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 110/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Quảng Trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2018.

b) Bổ sung thêm cho các huyện, thành phố, thị xã để đảm bảo kinh phí hoạt động theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn:

- Số đơn vị hành chính cấp xã dưới 8: 300 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã từ 8-15: 450 triệu đồng/năm.
- Số đơn vị hành chính cấp xã trên 15: 665 triệu đồng/năm.

Điều 4. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

a) Định mức chi thường xuyên (chi khác):

Căn cứ vào số biên chế được giao; phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi khác để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể:

- Định mức phân bổ theo tỷ lệ giữa tổng quỹ tiền lương, chi hoạt động thường xuyên đảm bảo theo nguyên tắc: Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 83% và tối thiểu 17% chi thường xuyên (chi khác) để chi hoạt động có tính chất thường xuyên cho công tác giảng dạy, học tập và các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên (chi khác theo lương cơ sở 1.490.000 đồng).

- Định mức chi khác gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành, các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

b) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp xã (bao gồm hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng và chế độ phụ cấp của cán bộ làm công tác quản lý Trung tâm học tập cộng đồng):

- Thành phố Đông Hà: 60 triệu đồng/phường/năm.
- Huyện, thị xã còn lại: 50 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021 do địa phương báo cáo, số bố trí trong định mức của ngân sách trung ương theo chế độ quy định, bao gồm:

+ Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

+ Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn.

+ Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị

định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

+ Chính sách học bổng đối với học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 35/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 về chế độ lương và hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các trường mầm non công lập; số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2019 về phát triển Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chính sách khen thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; số 106/2021/NQ-HĐND ngày 30/08/2021 về chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2026.

- Chi đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách, chương trình, đề án của tỉnh; các khoản chi phục vụ chung cho toàn ngành, các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn tỉnh theo khả năng của ngân sách hàng năm.

d) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ưu tiên bố trí ngân sách hỗ trợ thêm hoạt động giảng dạy và học tập, chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Cấp tỉnh:

- Tiêu chí định mức phân bổ căn cứ vào số lượng học sinh, sinh viên hàng năm theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao cho từng hệ đào tạo (chỉ tiêu đào tạo do ngân sách nhà nước đảm bảo), cụ thể:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Hệ cao đẳng	3,5 triệu đồng/sinh viên/năm
- Hệ trung cấp	3 triệu đồng/sinh viên/năm

Định mức trên đã bao gồm chi phí phục vụ cho dạy và học. Trường hợp các cơ sở đào tạo và dạy nghề không tuyển sinh đủ chỉ tiêu theo kế hoạch được giao thì thực hiện việc điều chỉnh, thu hồi lại kinh phí đã phân bổ tương ứng với chỉ tiêu tuyển sinh không thực hiện.

- Đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; các nhiệm vụ đào tạo khác theo các chương trình, đề án, nhiệm vụ: Phân bổ kinh phí theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương bổ sung hàng năm và lộ trình thực hiện của các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được

duyet.

b) Cấp huyện:

- Chi hoạt động bộ máy được áp dụng theo định mức quy định tại khoản 2

Điều 3 Quy định này.

- Chi cho đào tạo và đào tạo lại: 583 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

Điều 5. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh

- Định mức phân bổ chi bộ máy tính theo biên chế được giao:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Dưới 10 biên chế	16,8 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	16,1 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	15,4 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ 30 biên chế	14,9 triệu đồng/biên chế/năm

- Chỉ áp dụng trong thời gian định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) chưa được cấp thẩm quyền ban hành, các đơn vị sự nghiệp công chưa áp dụng cơ chế giá dịch vụ. Trên cơ sở lộ trình triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập khi giao quyền tự chủ và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Các đơn vị sự nghiệp ngành y tế thuộc hệ điều trị, các trường cao đẳng và trung cấp không áp dụng định mức phân bổ chi bộ máy theo quy định tại khoản này.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao cấp tỉnh

a) Sự nghiệp y tế:

- Định mức phân bổ chi bộ máy đơn vị sự nghiệp y tế hệ dự phòng, hệ dân số cấp huyện được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Trung tâm Quân dân y huyện đảo Cồn Cỏ	13 triệu đồng/giường bệnh/năm
- Y tế tuyến xã: Hỗ trợ hoạt động cho trạm y tế, dân số xã (ngoài định mức phân bổ chi bộ máy theo biên chế)	40 triệu đồng/trạm y tế/năm

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

+ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh: Phân bổ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

+ Kinh phí thực hiện các chính sách y tế, dân số do Hội đồng nhân dân

tỉnh ban hành.

- Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh; đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; các khoản chi phục vụ chung cho toàn ngành, tăng cường cơ sở vật chất theo khả năng của ngân sách hàng năm.

b) Sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao:

- Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp được áp dụng theo định mức phân bổ tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu, chi của đơn vị theo chế độ.

- Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Chi thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trên cơ sở chính sách chế độ hiện hành.

+ Chi thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các chương trình, đề án của tỉnh; đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; bố trí kinh phí tăng thêm tăng cường cơ sở vật chất theo khả năng của ngân sách.

c) Quy định khác:

- Mức kinh phí ngân sách bố trí chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước.

- Kinh phí hoạt động sự nghiệp được tính toán căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, hoạt động: Căn cứ đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, các cơ quan liên quan sẽ thảo luận để xác định kinh phí tăng thêm trình UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Các sở chuyên ngành có trách nhiệm phân bổ ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, đảm bảo phân bổ khớp đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số, văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên hoạt động bộ máy hành chính của các đơn vị văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình do cấp huyện quản lý áp dụng định mức quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. Riêng kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp thể dục thể thao, sự nghiệp phát thanh truyền hình, dân số được phân bổ theo định mức sau:

a) Sự nghiệp văn hóa thông tin:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
* Cấp huyện:	
- Phân bổ theo địa bàn hành chính	
+ Thành phố	488 triệu đồng/thành phố/năm
+ Huyện, thị xã	390 triệu đồng/huyện, thị xã/năm
- Bổ sung cho đội thông tin lưu động	
+ Huyện miền núi	165 triệu đồng/đội thông tin lưu động
+ Huyện, thành phố, thị xã còn lại	102 triệu đồng/đội thông tin lưu động
* Cấp xã:	
- Xã, thị trấn	17,3 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
- Phường	20,8 triệu đồng/phường/năm
- Hỗ trợ Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”:	(bao gồm cả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”)
+ Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân	05 triệu đồng/năm/khu dân cư
Quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm	01 triệu đồng/năm/khu dân cư
+ Khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ có quy mô dân số dưới 700 hộ dân	06 triệu đồng/năm/khu dân cư
Quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm	01 triệu đồng/năm/khu dân cư

b) Sự nghiệp thể dục thể thao:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
* Cấp huyện:	
- Huyện, thành phố, thị xã	260 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm
- Huyện đảo Côn Cỏ	195 triệu đồng/huyện đảo/năm
* Cấp xã:	
- Xã, thị trấn	13,8 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
- Phường	17,3 triệu đồng/phường/năm

c) Sự nghiệp phát thanh truyền hình:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
* Cấp huyện:	
- Phân bổ theo đơn vị đài huyện	
+ Huyện Hướng Hóa, Đakrông	220 triệu đồng/huyện/năm
+ Huyện đảo Côn Cỏ	220 triệu đồng/huyện/năm

+ Thành phố, thị xã, các huyện còn lại	173 triệu đồng/huyện/năm
- Phân bổ theo trạm phát lại vùng cao, hải đảo	220 triệu đồng/trạm/năm
* Cấp xã:	
- Hỗ trợ các hoạt động truyền thanh và các hoạt động thông tin khác cấp xã	10 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm

d) Sự nghiệp y tế:

- Hỗ trợ hoạt động dân số: 50 triệu đồng/huyện, thành phố, thị xã/năm.
- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Căn cứ dự toán trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đảm bảo không thấp hơn dự toán trung ương giao cho địa phương hàng năm.

2. Hàng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương để phân bổ kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Cấp tỉnh

- Chi bộ máy của các đơn vị thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội được áp dụng định mức quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.
- Căn cứ vào các chế độ, chính sách, định mức của Trung ương, địa phương ban hành và khả năng của ngân sách địa phương để cân đối đảm bảo chi sự nghiệp đảm bảo xã hội của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội.

2. Cấp huyện

a) Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp huyện:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Chi hoạt động cứu trợ xã hội	
+ Huyện đảo Côn Cỏ	130 triệu đồng/năm
+ Các huyện, thành phố, thị xã còn lại	520 triệu đồng/huyện/năm
- Chi hoạt động điều tra (đã bao gồm điều tra hộ nghèo, cung cầu lao động)	110 triệu đồng/huyện/năm
- Chi chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ cấp huyện	39 triệu đồng/nghĩa trang liệt sỹ

- Định mức chi hoạt động cứu trợ xã hội trên đã bao gồm các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; hỗ trợ cộng đồng dân cư khắc phục hậu quả thiên tai, cứu trợ xã hội.

- Định mức trên chưa bao gồm chi hỗ trợ cơ sở vật chất cho các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù; chi hỗ trợ khắc phục thiên tai trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách huyện.

b) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được xác định trên cơ sở số

đối tượng năm 2021, số bố trí trong định mức của ngân sách trung ương theo chế độ quy định và khả năng ngân sách địa phương, gồm:

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (mức hỗ trợ theo chế độ quy định).

- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cấp xã

a) Định mức phân bổ chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp xã:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Chi hoạt động cứu trợ xã hội	20,8 triệu đồng/xã/năm
- Chi chăm sóc các nghĩa trang liệt sỹ xã, phường, thị trấn	26 triệu đồng/nghĩa trang liệt sỹ

b) Định mức chi phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí để thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trên cơ sở số lượng thực tế theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã; Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

- Chi tặng quà, chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Điều 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

1. Cấp tỉnh

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh của tỉnh, chế độ chính sách và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí mức chi phù hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Phạm vi hỗ trợ cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm cho các đơn vị Quân sự, Công an, Biên phòng.

2. Cấp huyện

a) Chi quốc phòng:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có xã:	
+ Xã, thị trấn	55 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	110 triệu đồng/phường
+ Huyện đảo Côn Cỏ	1.760 triệu đồng/huyện đảo/năm
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Huyện có xã biên giới	65 triệu đồng/xã biên giới/năm
+ Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn	330 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố
- Chi hoạt động của tiểu đội dân quân thường trực	880 triệu đồng/tiểu đội
- Chi hoạt động của trung đội dân quân biển	110 triệu đồng/trung đội

b) Chi an ninh:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã, huyện đảo không có xã:	
+ Xã, thị trấn	26,4 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	99 triệu đồng/phường/năm
+ Huyện đảo Côn Cỏ	660 triệu đồng/huyện đảo/năm
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Huyện có xã biên giới	49 triệu đồng/xã biên giới/năm
+ Huyện, thị xã, thành phố có dưới 10 xã, phường, thị trấn	110 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

3. Cấp xã

a) Chi quốc phòng:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã:	
+ Xã, thị trấn	220 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	275 triệu đồng/phường
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm	169 triệu đồng/xã biên giới/năm

b) Chi an ninh:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ
- Phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã:	
+ Xã, thị trấn	33 triệu đồng/xã, thị trấn/năm
+ Phường	65 triệu đồng/phường/năm
- Phân bổ theo tính chất đặc thù:	
+ Đối với các xã biên giới giáp Lào được phân bổ thêm	85 triệu đồng/xã biên giới/năm
+ Riêng thành phố Đông Hà bổ sung thêm	400 triệu đồng/năm

Định mức chi trên bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Dân quân tự vệ (không bao gồm chế độ phụ cấp theo Luật Dân quân tự vệ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Quy định này).

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với dân quân tự vệ cấp xã theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và Nghị quyết số 108/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân về mức phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Cấp tỉnh

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp kinh tế được áp dụng định mức tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

b) Sở Tài chính phối hợp các sở chủ quản căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh:

- Đối với các đơn vị thực hiện khoán khối lượng công việc: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được giao ổn định và xem xét điều chỉnh bổ sung trong các trường hợp được cấp có thẩm quyền giao tăng nhiệm vụ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp khác: Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

c) Kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ; Hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm bằng dự toán trung ương giao cho địa phương.

d) Kinh phí đối ứng các chương trình mục tiêu theo quy định của Trung ương; thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, các nhiệm vụ khuyến công, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch và các nhiệm vụ khác: Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương để bố trí trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

2. Cấp huyện

a) Định mức chi hoạt động sự nghiệp kinh tế năm 2022 tăng 10% so kinh

phí hoạt động sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán năm 2021. Định mức đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành (đã bao gồm hỗ trợ kinh phí lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước).

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ dự toán Trung ương giao, khả năng cân đối của ngân sách địa phương, dự toán chi của các địa phương, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện cụ thể, đặc thù của từng huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tăng mức chi hỗ trợ thêm cho địa phương trong phương án phân bổ dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm.

b) Ngoài ra, cấp huyện được phân bổ thêm căn cứ tiêu chí đô thị như sau:

- Đô thị loại III: 1.500 triệu đồng/đô thị.
- Đô thị loại IV: 800 triệu đồng/đô thị.
- Đô thị loại IV: 500 triệu đồng/đô thị.

3. Cấp xã

Hỗ trợ kinh phí hoạt động sự nghiệp kinh tế:

- Xã, thị trấn: 36,3 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.
- Phường: 51,7 triệu đồng/phường/năm.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Căn cứ dự toán Trung ương giao hàng năm; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định không thấp hơn định mức Trung ương giao, bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành. Sở Tài chính phối hợp các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm. Trong đó hỗ trợ chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường, thị trấn: 20 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Điều 11. Định mức phân bổ chi khác

1. Phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các cấp ngân sách địa phương: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo mức phân bổ dự toán ngân sách (theo định mức phân bổ từ Điều 3 đến Điều 10 của Quy định này).

Điều 12. Dự phòng ngân sách

1. Dự phòng ngân sách địa phương tối thiểu không thấp hơn dự toán Trung ương giao hàng năm.

2. Dự phòng ngân sách của từng huyện, thành phố, thị xã làm cơ sở tính định mức là 2% tổng chi ngân sách huyện.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (tỷ lệ dự phòng ngân sách

các cấp từ 2-4% tổng chi ngân sách).

Điều 13. Một số quy định khác

1. Khi các văn bản quy định về các chế độ, chính sách áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Phân bổ dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố, thị xã:

- Các chính sách, chế độ do Trung ương và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức ban hành theo Nghị quyết này. Các nhiệm vụ chi do Trung ương quy định, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu vốn sự nghiệp do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và từng huyện, thành phố, thị xã hằng năm. Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm kinh phí cho các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện một số nhiệm vụ (hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; tăng cường cơ sở vật chất của các ngành, lĩnh vực; chỉnh trang đô thị; hỗ trợ khác) theo khả năng của ngân sách tỉnh để giảm bớt khó khăn cho các huyện, thành phố, thị xã.

3. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định, nếu có biến động về khả năng đảm bảo cân đối ngân sách và các chế độ quy định có liên quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện định mức, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung định mức phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp. /.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

